TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 716/2022/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 688/2022/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Chị **Trịnh Hải Y**, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 019195001852 cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đ ký hộ khẩu: số 37, ngõ 898, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi làm việc: số 101, ngõ 55, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội và anh **Dương Minh Đ**, sinh năm 1996; Chứng minh nhân dân số: 013321481 cấp ngày 08 tháng 02 năm 2014 tại Công an thành phố Hà Nội; Đ ký hộ khẩu và cư trú tại: số 37, ngõ 898, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Hải Y và anh Dương Minh Đ là hợp pháp, có Giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2018 ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trịnh Hải Y** và anh **Dương Minh Đ** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung là cháu **Dương Hải Đ**, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2019. Giao chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đ. Anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Dương Minh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trịnh Hải Y tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002350 ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long